

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

(Tiếp theo Công báo số 155 + 156)

5. Sửa đổi Phụ lục V như sau:

Phụ lục V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM III ÍT CÓ NGUY CƠ TÁC
ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 28
LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TRỪ DỰ ÁN QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC III
VÀ PHỤ LỤC IV BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH NÀY

STT	Dự án đầu tư	Tính chất môi trường hoặc tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh của dự án
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ quy định tại Cột 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này	Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
2	Dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử	

STT	Dự án đầu tư	Tính chất môi trường hoặc tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh của dự án
	lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải	
III	Dự án đầu tư mở rộng	
3	Dự án đầu tư nhằm mở rộng quy mô, nâng cao công suất của dự án đầu tư đang triển khai, thực hiện trước khi vận hành hoặc của cơ sở đang hoạt động	Việc mở rộng quy mô, nâng cao công suất (tính tổng cả phần dự án đang triển khai, thực hiện, phần cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng, nâng cao công suất tương đương với dự án tại Phụ lục này) được xác định như sau: a) Có thay đổi như đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 hoặc các điểm b, c, d, đ, i, k, l, m khoản 6 Điều 27 Nghị định này; b) Tăng quy mô, công suất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 27 Nghị định này từ 30% trở lên dẫn đến làm gia tăng tác động xấu tới môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định này.
IV	Dự án có một trong các hạng mục tương đương các số thứ tự nêu trên	

6. Bổ sung Phụ lục VIa, VIb vào trước Phụ lục VI như sau:**Phụ lục VIa****MẪU NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN****1. Thông tin về dự án:**

- 1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư
- 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất
- 1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)
- 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư
- 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

2. Các nội dung tham vấn**2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:**

- Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.
- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.
- Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

- Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

- Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

- Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

- Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

- Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.5. Các nội dung khác

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải (nếu có).

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Cam kết của Chủ dự án

- Các cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Cam kết về tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương (nếu có).

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày... tháng... năm....

Phụ lục VIb
MẪU PHIẾU LẤY Ý KIẾN THAM VẤN CỦA CHỦ DỰ ÁN GỬI TỚI
CÁC CÁ NHÂN CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN MÀ
KHÔNG THAM GIA DỰ HỌP LẤY Ý KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: (3).

(1) là chủ đầu tư của dự án (2), thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường, chúng tôi tham vấn ý kiến (3) các nội dung như sau:

Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (4)

Tên của (1):.....

Địa điểm thực hiện của (2):.....

Thông tin liên hệ của (1): Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

1. Ý kiến của (3) về việc đầu tư dự án

1.1. Ý kiến về vị trí thực hiện dự án đầu tư:

.....

.....

.....

.....

.....

1.2. Ý kiến về tác động môi trường của dự án đầu tư:

.....

.....

.....

.....

.....

1.3. Ý kiến về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

.....

.....

1.4. Ý kiến về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

1.5. Ý kiến về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư:

2. Kiến nghị đối với chủ dự án:

Đề nghị (3) gửi phiếu lấy ý kiến tham vấn về Ủy ban nhân dân xã (4) để tổng hợp trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến. Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn này được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.

KÝ TÊN

(Ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án.

(2) Tên dự án.

(3) Cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến tham vấn;

(4) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện tham vấn.

7. Sửa đổi Phụ lục VIII như sau:**Phụ lục VIII****MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRƯỚC
KHI ĐI VÀO VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM****1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo**

Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư
(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án đầu tư (2)

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (*)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

*Địa danh (**), tháng... năm...*

Ghi chú: (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư

MỤC LỤC **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT** **DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

Chương I **THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên chủ dự án đầu tư (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở):.....

- Địa chỉ văn phòng:.....

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:.....

- Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên dự án đầu tư:.....

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....

- Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư:.....

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):.....

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):.....

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này:.....

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này:.....

- Phân nhóm đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường:.....

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:.....

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:.....

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):.....

Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định; việc thẩm định, có ý kiến về công nghệ xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại).

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường (nếu có).

Ghi chú: Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường nhưng không có thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.3. Xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...) hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...) hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của dự án đầu tư); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải;

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án đầu tư (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với dự án đầu tư xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom của dự án đầu tư phục vụ cho xử lý chất thải rắn;

- Đối với dự án đầu tư có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: công nghệ sản xuất; điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành (kg/năm và kg/tháng);

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án đầu tư (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với dự án đầu tư xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: các hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý chất thải nguy hại được mô tả chi tiết tại Mục 3, Chương I).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với dự án đầu tư.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):

Nêu rõ các biện pháp để thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Phần này báo cáo về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư đã được phê duyệt.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp (nếu có)

- Nêu rõ các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải phải xử lý (sinh hoạt, công nghiệp) và nguồn phát sinh nước thải không phải xử lý.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường (nguồn tiếp nhận nước thải)).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh bụi, khí thải phải xử lý và nguồn phát sinh bụi, khí thải không phải xử lý.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):

- Công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại: Nêu rõ từng công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; quy mô, công suất của từng công trình, phương thức xử lý theo bảng sau:

TT	Tên công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại	Công suất xử lý (kg/năm)	Phương án xử lý	Ghi chú
1	Tên công trình 1			
2	Tên công trình 2			
3				
....				

- Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý: Nêu rõ từng mã chất thải nguy hại và khối lượng đề nghị cấp phép theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Phương án xử lý	Khối lượng (kg/năm)
	Tổng khối lượng			

- Số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại: Nêu rõ số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại đề nghị cấp phép; vị trí, diện tích từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại, gồm:

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số:.....

+ Địa chỉ:.....

- + Diện tích:.....
- + Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....
- Địa bàn hoạt động đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, vùng kinh tế.
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):
- Loại phế liệu đề nghị nhập khẩu: Nêu rõ loại (có mã HS) phế liệu đề nghị cấp phép.
 - Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu đối với dự án đầu tư: Nêu rõ khối lượng từng loại phế liệu đề nghị nhập khẩu.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

A. Trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (báo cáo các nội dung Mục 1 dưới đây)

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn). Trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải thuộc dự án có công suất nhỏ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

B. Trường hợp dự án đầu tư đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành (báo cáo các nội dung Mục 1 dưới đây)

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện:

1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng).

Việc đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải được thực hiện thông qua kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý (chương trình và phương pháp lấy mẫu tổ hợp để đánh giá), gồm:

- Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải đối với một số thông số ô nhiễm chính đã sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn của hệ thống xử lý nước thải và được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm chính tại công đoạn..... (Đơn vị tính)					
		Thông số A		Thông số B		v.v...	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1							
Lần 2							
Lần n,.....							
Hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý nước thải (%)							

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp). Đối với một số ngành

công nghiệp đặc thù phải thực hiện quan trắc các thông số môi trường theo quyết định của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số môi trường của dự án					
		Thông số A (Đơn vị tính)		Thông số B (Đơn vị tính)		v.v...	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1							
Lần 2							
Lần n,...							
Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất).							

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải thông qua số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt) của các ngày đã thực hiện lấy, phân tích mẫu nước thải trong phòng thí nghiệm. Kết quả quan trắc tự động, liên tục được so sánh, đối chiếu với kết quả đo nhanh hiện trường và kết quả lấy, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm. Giá trị trung bình theo ngày của các kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục được so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số môi trường của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng để đánh giá sự phù hợp quy chuẩn (không phân biệt phương pháp đo đạc, lấy và phân tích mẫu trong quy chuẩn kỹ thuật) và được trình bày theo bảng sau:

Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số quan trắc tự động, liên tục					
		Thông số A (Đơn vị tính)		Thông số B (Đơn vị tính)		v.v...	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Ngày thứ 1							
Ngày thứ 2							

Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số quan trắc tự động, liên tục					
		Thông số A (Đơn vị tính)		Thông số B (Đơn vị tính)		v.v...	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Ngày thứ n (kết quả đánh giá theo ngày lấy mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm)							
Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất).							

1.2. Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đặc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý. Chủ dự án thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại Mục 1 nêu trên.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Phụ lục 2:

*** Đối với dự án phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

- Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng;
- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng đối với hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động phá dỡ tàu biển (nếu có);
- Các tài liệu khác liên quan đến biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình phá dỡ tàu biển theo quy định của Chính phủ về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 (nếu có).

*** Đối với dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

Bản sao hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu, chất thải phát sinh), nếu có.

*** Đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**

Các văn bản liên quan đến nội dung quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường và văn bản thẩm định, có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

- Các giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê địa điểm làm trạm trung chuyển chất thải nguy hại;

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư; bản sao kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho dự án đầu tư các hạng mục công trình phục vụ hoạt động lưu giữ chất thải nguy hại tại trạm trung chuyển chất thải nguy hại (trong trường hợp các hồ sơ, giấy tờ không được nộp kèm theo thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường).

- Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý chất thải và trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có); các bản vẽ, hình ảnh về cơ sở xử lý và trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có);

- Kế hoạch quản lý môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường.

*** Đối với dự án khai thác khoáng sản:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ, hồ sơ sau:

Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

8. Sửa đổi Phụ lục IX như sau:**Phụ lục IX****MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM II KHÔNG THUỘC
ĐỐI TƯỢNG PHẢI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM III****1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo**

Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư
(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án đầu tư (2)

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (*)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

*Địa danh (**), tháng... năm...*

Ghi chú: (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư

MỤC LỤC DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở):.....
 - Địa chỉ văn phòng:.....
 - Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:.....
 - Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....
 - Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.
2. Tên dự án đầu tư:.....
 - Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....
 - Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):.....
 - Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 25 Nghị định này:.....
 - Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:.....
 - Phân nhóm dự án đầu tư: *(ghi rõ là nhóm II hoặc nhóm III)*.....
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:
 - 3.1. Công suất của dự án đầu tư:.....
 - 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....
 - 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:.....
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):.....

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Ghi chú: Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án:

1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án:

- a) Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;
- b) Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;
- c) Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án.

1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án:

a) Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có);

b) Danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:

2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải;

b) Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.

2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

2.3. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải: hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận (nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí dự kiến xả nước thải).

2.4. Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải: các hoạt động xả nước thải khác vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

a) Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực (vị trí, khoảng cách đến vị trí xả nước thải).

b) Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực (hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải).

2.5. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

3.1. Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

3.2. Đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Việc đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh chỉ yêu cầu đối với những dự án phát sinh bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường hoặc dự án sử dụng mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm (nếu có).

Ghi chú: Dự án đầu tư nhóm III không phải thực hiện nội dung quy định tại: điểm b, c Mục 1.1 và điểm b Mục 1.2; điểm a Mục 2.1; Mục 2.3 và Mục 2.4 và Mục 3.2 Chương này.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai, thi công xây dựng dự án đầu tư: Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

- a) Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất;
- b) Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng;
- c) Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);
- d) Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- đ) Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng;
- e) Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

Yêu cầu: Đối với nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

(Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường phải đánh giá tổng hợp các tác động từ việc thay đổi nội dung dự án đầu tư)

1.2. Đánh giá tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- a) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về thải lượng, tải

lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận (nếu có).

b) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung).

c) Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án đầu tư.

d) Đối với dự án đầu tư khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy theo quy định của pháp luật.

đ) Đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi phải có đánh giá tác động và biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi.

e) Kết quả tính toán của mô hình phát tán chất ô nhiễm, sự cố môi trường đối với dự án đầu tư xả trực tiếp ra môi trường từ 10.000 m³/ngày (24 giờ) nước thải trở lên (trừ nước trao đổi nhiệt, nước nuôi trồng thủy sản) hoặc xả bụi, khí thải có lưu lượng từ 200.000 m³/giờ trở lên, trừ trường hợp dự án đầu tư không thay đổi nội dung liên quan đến hoạt động xả nước thải, bụi, khí thải so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề xuất cấp lại giấy phép môi trường).

(Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường phải đánh giá tổng hợp các tác động từ việc thay đổi nội dung dự án đầu tư).

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

a) Về nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có), bao gồm: Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường (nếu có);

b) Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải;

c) Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

d) Về tiếng ồn, độ rung: Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do hoạt động của dự án;

đ) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

(Trường hợp có thay đổi công trình bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, phải liệt kê đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường dự kiến thay đổi)

2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

a) Về công trình, biện pháp xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

b) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có).

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

c) Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).

d) Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;

- Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).

đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

(Trường hợp có thay đổi công trình bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, phải liệt kê đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường dự kiến thay đổi).

e) Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư;
- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục;
- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác;
- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;
- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

Ghi chú: Dự án đầu tư nhóm III không phải thực hiện đánh giá quy định tại Mục 1 Chương này

Chương V

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án đầu tư nhóm II, bao gồm: dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học)

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản

1.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có), tổ chức, cá nhân phải xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đưa ra cần làm rõ các nội dung sau:
 - + Xác định thời điểm, nội dung thực hiện một phần công tác cải tạo, phục hồi môi trường (ngay trong quá trình khai thác) đối với các hạng mục công trình mỏ (công trình phụ trợ khai thác, bãi thải mỏ,...) và khu vực khai thác (trường hợp mỏ khai thác theo hình thức “cuốn chiếu”, có thể thực hiện được công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng);
 - + Xác định các hạng mục công trình mỏ, các hạng mục công việc cần cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực khai thác (moong khai thác đối với mỏ lộ thiên; hệ thống đường lò/giếng thông gió, vận chuyển, lò chợ... đối với mỏ hầm lò) trong giai đoạn đóng cửa mỏ (thời điểm kết thúc khai thác mỏ theo dự án đầu tư đã lập);
 - + Mô tả các giải pháp, công trình và khối lượng, kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường; lập bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.
 - Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: tác động liên quan đến chất thải, tác động không liên quan đến chất thải như: cảnh quan, sinh thái sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...) và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu.
 - Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.
- ### 1.2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường
- Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:
- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường;
 - Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;
 - Thiết kế các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
 - Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
 - Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

1.3. Kế hoạch thực hiện

- Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;
- Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình;
- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
...							

1.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án chôn lấp chất thải

2.1. Lựa chọn giải pháp cải tạo môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình xử lý chất thải, ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường.

- Việc cải tạo môi trường thực hiện theo quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo môi trường. Xây dựng bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, sự cố môi trường,...) để lựa chọn phương án cải tạo môi trường.

2.2. Nội dung cải tạo môi trường

Từ giải pháp cải tạo môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo môi trường;

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo môi trường;

- Lập bảng các công trình cải tạo môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường;

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường;

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế cơ sở.

2.3. Kế hoạch thực hiện

- Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo môi trường;
- Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình;
- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo môi trường;
- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực ô chôn lấp chất thải						
1	Hệ thống xử lý nước thải						
2	Hệ thống xử lý khí thải						
3	Hệ thống quan trắc, giám sát môi trường						
...							

2.4. Dự toán chi phí cải tạo môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Ghi chú: Dự án đầu tư nhóm III không phải thực hiện đánh giá quy định tại Chương này

Chương VI

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải phải xử lý (sinh hoạt, công nghiệp) và nguồn phát sinh nước thải không phải xử lý.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường (nguồn tiếp nhận nước thải)).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh bụi, khí thải phải xử lý và nguồn phát sinh bụi, khí thải không phải xử lý.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chương VII

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn). Trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện đã quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành của công trình xử lý chất thải;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;
- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có).

Phụ lục 2: Đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản: Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ, hồ sơ sau:

Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

Ghi chú: Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.

9. Sửa đổi Phụ lục X như sau:

Phụ lục X
MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo

Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở
(1)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở (2)

CHỦ CƠ SỞ (*)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

*Địa danh (**), tháng... năm...*

Ghi chú: (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động (viết tắt là cơ sở)

MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở):.....

- Địa chỉ văn phòng:.....

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:.....

- Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:.....

- Địa điểm cơ sở:.....

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):.....

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có):.....

- Quy mô của cơ sở (nêu rõ quy mô của cơ sở có tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định này):.....

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này:.....

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:.....

- Phân nhóm dự án đầu tư: *(ghi rõ là nhóm I, nhóm II hoặc nhóm III)*.....

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở (bao gồm cả phần hiện hữu và phần dự kiến mở rộng, nâng công suất hoặc các thay đổi khác):

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....

3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):.....

Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định; việc thẩm định, có ý kiến về công nghệ xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại).

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Ghi chú: Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.3. Xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa

chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải;

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn;

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: các hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý chất thải nguy hại được mô tả chi tiết tại Mục 3, Chương I).

- Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (nếu có) và trong quá trình hoạt động, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (nếu có) và trong quá trình hoạt động, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Nêu rõ các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có) nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại Nghị định này)

(Phần này nêu chi tiết các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trước đó).

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Phần này báo cáo về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Ghi chú: Đối với các nội dung từ Mục 1 đến Mục 9 bao gồm cả phần hiện hữu và phần dự kiến mở rộng, nâng công suất hoặc các thay đổi khác (nếu có).

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải phải xử lý (sinh hoạt, công nghiệp) và nguồn phát sinh nước thải không phải xử lý.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường (nguồn tiếp nhận nước thải)).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh bụi, khí thải phải xử lý và nguồn phát sinh bụi, khí thải không phải xử lý.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):

- Công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại: Nêu rõ từng công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; quy mô, công suất của từng công trình, phương thức xử lý theo bảng sau:

TT	Tên công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại	Công suất xử lý (kg/năm)	Phương án xử lý	Ghi chú
1	Tên công trình 1			
2	Tên công trình 2			
3				
....				

- Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý: Nêu rõ từng mã chất thải nguy hại và khối lượng đề nghị cấp phép theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Phương án xử lý	Khối lượng (kg/năm)
	Tổng khối lượng			

- Số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại: Nêu rõ số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại đề nghị cấp phép; vị trí, diện tích từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại, gồm:

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số:.....

+ Địa chỉ:.....

+ Diện tích:.....

+ Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

- Địa bàn hoạt động đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, vùng kinh tế.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

- Loại phế liệu đề nghị nhập khẩu: Nêu rõ loại (có mã HS) phế liệu đề nghị cấp phép.

- Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu đối với cơ sở: Nêu rõ khối lượng từng loại phế liệu đề nghị nhập khẩu.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

- Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện.

- Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong Phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, chủ cơ sở tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, bao gồm:

- Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp xả ra ngoài môi trường hoặc đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (đối với các cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp) hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý.

- Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước trao đổi nhiệt xả ra ngoài môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ) của từng năm, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải. Trường hợp cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định, lập bảng tổng

hợp kết quả quan trắc nước thải bổ sung trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

- Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động) của từng năm.

- Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải (nếu có), các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giá trị giới hạn cho phép (nếu có) trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục.

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, chủ cơ sở tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, bao gồm:

- Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc khí thải định kỳ (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ) của từng năm, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải. Trường hợp cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định, lập bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải bổ sung trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

- Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải liên tục, tự động) của từng năm.

- Các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải (nếu có), các lần kết quả quan trắc khí thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giá trị giới hạn cho phép (nếu có) trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục.

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý bụi, khí thải.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):

- Tổng hợp, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã thu gom, xử lý của từng năm (theo từng phương pháp).

- Tổng hợp, thống kê số chủ nguồn thải; khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường đã thu gom, xử lý của từng năm (theo từng phương pháp).

- Tổng hợp, thống kê số chủ nguồn thải; khối lượng chất thải nguy hại đã thu gom, xử lý của từng năm (theo từng phương pháp).

- Các sự cố đối với các công trình, hệ thống, thiết bị xử lý chất thải; nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục. Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải.

- Đánh giá chung về hiện trạng các hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải đã được cấp phép.

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):

- Tổng hợp khối lượng phế liệu nhập khẩu, sử dụng phế liệu đã nhập khẩu của từng năm.

- Đánh giá chung về hiện trạng các hệ thống, công trình, thiết bị tái chế phế liệu đã được cấp phép.

- Tình hình vi phạm, tái xuất đối với những lô hàng phế liệu nhập khẩu không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường (nếu có).

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Tổng hợp, thống kê khối lượng từng loại chất thải phát sinh, tự xử lý, chuyển giao của từng năm.

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp), trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện đã quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

Phụ lục 2:*** Đối với cơ sở có hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng:**

- Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (đối với cơ sở phá dỡ tàu biển);

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng đối với hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động phá dỡ tàu biển (nếu có);

- Các tài liệu khác liên quan đến biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình phá dỡ tàu biển theo quy định của Chính phủ về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 (nếu có).

*** Đối với cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:**

Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

- Bản sao hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu, chất thải phát sinh), nếu có;

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 (nếu có).

*** Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**

- Các văn bản liên quan đến nội dung quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường và văn bản thẩm định, có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại;

- Các giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê địa điểm làm trạm trung chuyển chất thải nguy hại;

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư; bản sao kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho dự án đầu tư các hạng mục công trình phục vụ hoạt động lưu giữ chất thải nguy hại tại trạm trung chuyển chất thải nguy hại (trong trường hợp các hồ sơ, giấy tờ không được nộp kèm theo thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường);

- Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý chất thải và trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có);
- Kế hoạch quản lý môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường;
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001.

* ***Đối với cơ sở khai thác khoáng sản:*** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ, hồ sơ sau:

Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ viă khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

Ghi chú: Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường không thể hiện nội dung quy định tại Chương I và Chương III và các phụ lục liên quan (trừ mục 9) Biểu mẫu này.

10. Sửa đổi Phụ lục XI như sau

Phụ lục XI
MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo

Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở

(1)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở (2)

CHỦ CƠ SỞ (*)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

*Địa danh (**), tháng... năm...*

Ghi chú: (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động (viết tắt là cơ sở)

MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ cơ sở):.....

- Địa chỉ văn phòng:.....

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:.....

- Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:.....

- Địa điểm cơ sở:.....

- Giấy phép môi trường của cơ sở:.....

- Quy mô của cơ sở: nêu rõ nội dung thay đổi (nếu có).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở (chỉ mô tả các nội dung đề xuất điều chỉnh)

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....

3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở (chỉ mô tả các nội dung đề xuất điều chỉnh).

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu (chỉ mô tả các nội dung đề xuất điều chỉnh).

6. Các thông tin thay đổi khác (nếu có):.....

Chương II

CÁC THAY ĐỔI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.3. Xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

(Đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải;

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn;

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;

- Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (nếu có) và trong quá trình

hoạt động, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (nếu có) và trong quá trình hoạt động, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Nêu rõ các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có) nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; làm rõ lý do và cơ sở pháp lý đối với các nội dung thay đổi.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại Nghị định này)

(Phần này nêu chi tiết các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trước đó).

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Phần này báo cáo về kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Ghi chú: Đối với các nội dung từ Mục 1 đến Mục 10, chỉ mô tả những hạng mục bổ sung hoặc nhưng phần hiện hữu nhưng có thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp.

Chương III

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép đối với nước thải (nếu có):

2. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép đối với khí thải (nếu có):

3. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):

5. Nội dung đề nghị điều chỉnh về nội dung cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

Chương IV

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện đã quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Các văn bản pháp lý liên quan đến việc thay đổi.

11. Sửa đổi Phụ lục XIII như sau:

Phụ lục XIII
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐIỀU CHỈNH, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

V/v đề nghị cấp/cấp điều
chỉnh/cấp lại giấy phép môi
trường của dự án, cơ sở (2)

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số... Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số.../...../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số:...../GPMT-..... ngày.... tháng....năm..... (*chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường*).

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày.....của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:.....

Chức vụ:..... Điện thoại:.....; Email:.....

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) (không yêu cầu đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép môi trường);

- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất) (không yêu cầu đối với trường hợp điều chỉnh Giấy phép môi trường).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2).

Nơi nhận:

- Như trên;

-...;

- Lưu:...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA...(1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

12. Sửa đổi Phụ lục XV như sau:**Phụ lục XV****MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM
CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN QUY ĐỊNH
TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 46 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

Địa danh, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án/cơ sở (3)**

Kính gửi: (2)

1. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án đầu tư/cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....
- Địa điểm thực hiện dự án/cơ sở:.....
- Giấy phép môi trường của dự án/cơ sở số:.....

2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án/cơ sở:

a) Hệ thống xử lý nước thải

Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thông tin về điều kiện vận hành thử nghiệm trong tại các ngày, thời điểm lấy mẫu).

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) hoặc giá trị giới hạn cho phép trong giấy phép môi trường và được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đặc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm					
		Thông số A		Thông số B		...	
		Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý
Lần 1							
Lần 2							
Lần n,.....							
Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất).							

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải thông qua số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt) của các ngày đã thực hiện lấy, phân tích mẫu nước thải trong phòng thí nghiệm. Kết quả quan trắc tự động, liên tục được so sánh, đối chiếu với kết quả đo nhanh hiện trường và kết quả lấy, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm. Giá trị trung bình theo ngày của các kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục được so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số môi trường của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng để đánh giá sự phù hợp quy chuẩn (không phân biệt phương pháp đo đặc, lấy và phân tích mẫu trong quy chuẩn kỹ thuật).

Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số quan trắc tự động, liên tục					
		Thông số A		Thông số B		...	
		Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý
Ngày thứ 1							
Ngày thứ 2							

Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số quan trắc tự động, liên tục					
		Thông số A		Thông số B		...	
		Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý
Ngày thứ n (kết quả đánh giá theo ngày lấy mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm)							
Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất).							

- Kết quả phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát (nếu có).
- Trường hợp kết quả phân tích mẫu cho thấy không đáp ứng yêu cầu quy định, cần nêu rõ nguyên nhân và biện pháp đã khắc phục.
- Các sự cố đã xảy ra (nếu có) và biện pháp khắc phục.

Trường hợp dự án/cơ sở có từ 02 công trình, hệ thống, thiết bị trở lên xả nước thải ra ngoài môi trường phải vận hành thử nghiệm, việc đánh giá các công trình, hệ thống, thiết bị tiếp theo được đánh giá tương tự như công trình, hệ thống, thiết bị thứ nhất.

b) Công trình xử lý bụi, khí thải:

Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có). Chủ dự án đầu tư thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại điểm a nêu trên.

3. Công trình, hệ thống, thiết bị xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại):

a) Kết quả thu gom, xử lý chất thải của công trình, hệ thống, thiết bị vận hành thử nghiệm:

- Bảng tổng hợp khối lượng, chủng loại các loại chất thải đã thu gom, xử lý trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng đã thu gom (kg)	Khối lượng đã xử lý (kg)
1				
2				
...	TỔNG CỘNG...	...	...	...

- Bảng tổng hợp khối lượng, chủng loại chất thải đã xử lý từng công trình, hệ thống, thiết bị xử lý, tái chế của ngày vận hành thử nghiệm (*Trường hợp dự án/cơ sở có từ 02 công trình, hệ thống, thiết bị trở lên phải vận hành thử nghiệm, việc đánh giá các công trình, hệ thống, thiết bị tiếp theo được đánh giá tương tự như công trình, hệ thống, thiết bị thứ nhất*):

TT	Thời gian thử nghiệm	Khối lượng xử lý (kg)	Khối lượng sản phẩm thu hồi sau xử lý, tái chế (kg) (nếu có)	Khối lượng chất thải phát sinh sau xử lý (kg)	Biện pháp quản lý (*)
1	...				
2	...				
...	...				
	TỔNG CỘNG				

* Ghi rõ biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị khác để xử lý; tự xử lý (nêu rõ phương pháp, hệ thống, thiết bị xử lý).

- Các thông số kỹ thuật, điều kiện vận hành của các hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải và đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường (đối với các trường hợp quy chuẩn có yêu cầu);

- Đánh giá sự phù hợp của khối lượng, chủng loại các loại chất thải xử lý của từng công trình, hệ thống, thiết bị xử lý, tái chế so với nội dung đã được cấp phép trong giấy phép môi trường.

b) Các nội dung điều chỉnh về loại, khối lượng chất thải nguy hại so với giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có):

(Mô tả rõ việc điều chỉnh về loại, khối lượng chất thải nguy hại so với giấy phép môi trường được cấp; giải trình cụ thể việc điều chỉnh về loại, khối lượng chất thải; các căn cứ pháp lý cho việc điều chỉnh (nếu có). Trường hợp không có

điều chỉnh về loại, khối lượng chất thải nguy hại so với giấy phép môi trường được cấp thì ghi rõ các nội dung về loại, khối lượng chất thải nguy hại phù hợp với giấy phép môi trường được cấp).

4. Công trình, hệ thống, thiết bị tái chế (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất):

a) Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu của công trình, hệ thống, thiết bị vận hành thử nghiệm:

- Bảng tổng hợp khối lượng, chủng loại phế liệu nhập khẩu đã nhập khẩu, sử dụng trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu	Khối lượng đã nhập khẩu (kg)	Khối lượng đã sử dụng (kg)
1			
2			
...	...	...	...
	TỔNG CỘNG		

- Bảng tổng hợp khối lượng, chủng loại các loại phế liệu đã sử dụng của từng công trình, hệ thống, thiết bị tái chế của ngày vận hành thử nghiệm (*Trường hợp dự án/cơ sở có từ 02 công trình, hệ thống, thiết bị trở lên phải vận hành thử nghiệm, việc đánh giá các công trình, hệ thống, thiết bị tiếp theo được đánh giá tương tự như công trình, hệ thống, thiết bị thứ nhất*):

TT	Ngày/tháng/năm	Khối lượng sử dụng (kg)	Khối lượng sản phẩm thu hồi sau tái chế (kg)	Khối lượng chất thải phát sinh sau tái chế (kg)	Hệ số hao hụt
1	...				
2	...				
...	...				
	TỔNG CỘNG				

- Đánh giá sự phù hợp của khối lượng, chủng loại các loại phế liệu nhập khẩu của từng công trình, hệ thống, thiết bị tái chế so với nội dung đã được cấp phép trong giấy phép môi trường.

b) Nội dung điều chỉnh về khối lượng phế liệu nhập khẩu so với giấy phép môi trường đã được cấp (nếu có):

(Mô tả rõ việc điều chỉnh về khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu so với giấy phép môi trường được cấp; giải trình cụ thể việc điều chỉnh về khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu; các căn cứ pháp lý cho việc điều chỉnh (nếu có). Trường hợp không có điều chỉnh về khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu so với giấy phép môi trường được cấp thì ghi rõ khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu phù hợp với giấy phép môi trường được cấp).

5. Các thông tin khác (nếu có):

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

-...;

- Lưu:...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA...(1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án đầu tư; (2) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép; (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3).

* Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này): Hồ sơ hoàn công kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải; các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa; các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình xử lý chất thải hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình xử lý chất thải; nhật ký vận hành công trình xử lý chất thải; nhật ký vận hành dây chuyền sản xuất có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất); chứng từ chất thải nguy hại (đối với dự án có hoạt động dịch vụ xử lý chất thải nguy hại).

13. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục XVI như sau:**Phụ lục XVI****DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH,
DỊCH VỤ ĐƯỢC MIỄN ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

1. Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực; các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, dạy nghề, đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý, cung cấp thông tin, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại.
2. Sản xuất, trình chiếu và phát hành chương trình truyền hình; sản xuất phim điện ảnh, phim video; hoạt động truyền hình, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
3. Dịch vụ thương mại, buôn bán lưu động, không có địa điểm cố định.
4. Dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng có diện tích xây dựng dưới 200 m².
5. Dịch vụ ăn uống có diện tích xây dựng nhà hàng dưới 200 m².
6. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ gia dụng quy mô cá nhân, hộ gia đình.
7. Dịch vụ photocopy, truy cập internet, trò chơi điện tử.
8. Canh tác trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi quy mô cá nhân, hộ gia đình.
9. Trồng khảo nghiệm các loài thực vật quy mô dưới 01 ha.
10. Xây dựng nhà ở cá nhân, hộ gia đình.
11. Dự án, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa.

14. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục XVII như sau:**Phụ lục XVII****DANH MỤC CÁC CHẤT POP VÀ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ MIỄN TRỪ
THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC STOCKHOLM**

TT	Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
1	Hexabromodiphenyl ether và Heptabromodiphenyl ether (HBDE)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Không.
				Sử dụng	Cho phép tái chế, sử dụng và tiêu hủy theo quy định của Công ước Stockholm.
2	Tetrabromodiphenyl ether và Pentabromodiphenyl ether (POP-BDE)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Không.
				Sử dụng	Cho phép tái chế, sử dụng và tiêu hủy theo quy định của Công ước Stockholm.
3	Các axit Perfluorooctane sulfonic, muối của chúng (PFOS) và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOSF)	B	Công nghiệp, nông nghiệp	Sản xuất	- Không được đăng ký miễn trừ riêng biệt. - Là hợp chất trung gian trong trường hợp đăng ký miễn trừ theo mục đích.
				Sử dụng	- Được đăng ký miễn trừ riêng biệt đối với các lĩnh vực: + Mạ kim loại (mạ kim loại cứng) chỉ trong hệ thống khép kín;

TT	Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
					+ Bọt chữa cháy (cho đám cháy loại B) trong các hệ thống đã lắp đặt, bao gồm cả hệ thống cố định và di động. - Được đăng ký miễn trừ theo mục đích đối với lĩnh vực: Bả côn trùng bằng sulfluramid (số CAS 4151-50-2) như hoạt chất nhằm kiểm soát kiến xén lá từ <i>Atta</i> spp. và <i>Acromyrmex</i> spp., chỉ sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp.
4	Hexabromocyclododecane (HBCDD)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Được sản xuất đối với lĩnh vực: Vật liệu cách nhiệt (expanded polystyrene - EPS và extruded polystyrene - XPS) trong xây dựng/tòa nhà.
				Sử dụng	Vật liệu cách nhiệt EPS và XPS được sử dụng trong xây dựng/tòa nhà.
5	Polychlorinated naphthalene (PCN)	A	Nông nghiệp, phát sinh không chủ định	Sản xuất	Là hợp chất trung gian, bao gồm octafluoronaphthalene.
				Sử dụng	Sử dụng trong các sản phẩm chứa PCN trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm octafluoronaphthalene.

TT	Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
6	Decabromodiphenyl ether (DBDE)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Cho phép sản xuất theo quy định của Công ước Stockholm.
				Sử dụng	Được sử dụng trong các lĩnh vực: - Các bộ phận của phương tiện giao thông (sử dụng làm vật liệu cách nhiệt, hệ thống dây điện, vải bọc...); - Máy bay và các phụ tùng thay thế kèm theo (đối với máy bay đang sử dụng trước tháng 12/2018 và nhận trước tháng 12/2022); - Các sản phẩm dệt may có chứa chất chống cháy, trừ quần áo và đồ chơi; - Phụ gia trong các sản phẩm nhựa gia dụng, thiết bị điện và thiết bị gia dụng (thiết bị sưởi ấm, bàn là, quạt) chứa hoặc tiếp xúc trực tiếp với các bộ phận điện hoặc yêu cầu tuân thủ theo tiêu chuẩn chống cháy với nồng độ thấp hơn 10% trọng lượng của thiết bị; - Bọt polyurethane cách nhiệt trong lĩnh vực xây dựng.

TT	Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
7	Các paraffin mạch ngắn chứa clo (SCCP)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Cho phép sản xuất theo quy định của Công ước Stockholm.
				Sử dụng	Được sử dụng trong các lĩnh vực: - Chất phụ gia trong sản xuất đại truyền tải/băng tải trong lĩnh vực công nghiệp cao su tự nhiên và tổng hợp”; - Các bộ phận/chi tiết của băng truyền cao su trong công nghiệp khai thác mỏ và lâm nghiệp; chất kết dính (keo dính...); - Chế phẩm chứa dầu trong sản xuất da; - Phụ gia bôi trơn, đặc biệt cho động cơ ô tô, máy phát điện và nhà máy/cơ sở điện gió; trong khoan dầu và thăm dò khí đốt, nhà máy lọc dầu để sản xuất dầu diesel; - Sản xuất các loại ống cho bóng đèn trang trí ngoài trời; - Sơn chống cháy và chống thấm;

TT	Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
					- Quá trình gia công kim loại (phụ gia trong dầu bôi trơn hoặc chất làm lạnh trong cắt kim loại hoặc tạo hình kim loại); - Chất làm dẻo thứ cấp trong polyvinyl chloride, ngoại trừ trong đồ chơi và sản phẩm dành cho trẻ em.
8	Perfluorooctanoic acid (PFOA), muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA	A	Công nghiệp	Sản xuất Sử dụng	- Không được sản xuất trong bột chữa cháy. - Các lĩnh vực sản xuất khác được thực hiện theo quy định của Công ước Stockholm. Được sử dụng trong các lĩnh vực: - Lớp phủ chụp ảnh được áp dụng trong tráng phim; - Lớp phủ hình ảnh áp dụng cho phim; - Dệt may (làm chất chống thấm dầu và nước); - Thiết bị y tế dùng cho cấy ghép và xâm lấn; - Bột chữa cháy (đám cháy loại B); - Sản xuất polytetrafluoroetylen (PTFE) và polyvinylidene

TT	Tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Nội dung đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
					fluoride (PVDF): Dùng trong màng lọc khí hiệu suất cao, chống ăn mòn, màng lọc nước và màng lọc khí kháng khuẩn cho lĩnh vực y tế; thiết bị trao đổi khí thải công nghiệp; chất bịt kín công nghiệp có khả năng ngăn chặn rò rỉ các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và bụi PM_{2,5}; - Sản xuất polyfluoroetylen propylene (FEP) dùng trong lĩnh vực dây và cáp điện cao thế để truyền tải điện; - Sản xuất fluoroelastomers để sản xuất vòng chữ O, đai và phụ kiện nhựa cho nội thất ô tô; - Sản xuất dược phẩm.

15. Thay thế Phụ lục số XXII như sau:

Phụ lục XXII
DANH MỤC SẢN PHẨM, BAO BÌ PHẢI ĐƯỢC TÁI CHẾ VÀ TỶ LỆ TÁI CHẾ BẮT BUỘC,
QUY CÁCH TÁI CHẾ BẮT BUỘC

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. BAO BÌ				
1	A.1. Bao bì giấy	A.1.1. Bao bì giấy, carton	20%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất bột giấy thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm giấy như giấy kraft, giấy carton, giấy vệ sinh, giấy viết, v.v...
		A.1.2. Bao bì giấy hỗn hợp đa lớp (bao bì có thành phần từ 2 loại vật liệu trở lên trong đó có giấy và có ít nhất 3 lớp vật liệu)	15%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất bột giấy thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm giấy như giấy kraft, giấy carton, giấy vệ sinh, v.v... hoặc các sản phẩm khác như tấm vật liệu, tấm lợp, v.v...
2	A.2. Bao bì kim loại	A.2.1. Bao bì nhôm	22%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất phôi nhôm thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		A.2.2. Bao bì sắt và kim loại khác	20%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Sản xuất phôi kim loại thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.
3	<i>A.3. Bao bì nhựa</i>	A.3.1. Bao bì PET cứng	22%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Sản xuất mảnh, hạt nhựa PET thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác như xơ, sợi, bao bì nhựa, v.v...(không bao gồm nhiên liệu đốt như: viên đốt, dầu, v.v...).
		A.3.2. Bao bì HDPE, LDPE, PP, PS cứng	15%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Sản xuất mảnh, hạt nhựa thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác như xơ, sợi, bao bì nhựa, dầu, v.v...(không bao gồm viên đốt).
		A.3.3. Bao bì EPS, PVC cứng và bao bì nhựa cứng khác	10%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Sản xuất mảnh, hạt nhựa thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác như xơ, sợi, bao bì nhựa, dầu, v.v... (không bao gồm viên đốt).
		- Bao bì EPS cứng		
		- Bao bì PVC cứng		

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		- Bao bì nhựa cứng khác		
		A.3.4. Bao bì nhựa mềm	10%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i>
		- Bao bì đơn vật liệu mềm		1. Sản xuất hạt nhựa thương phẩm.
		- Bao bì đa vật liệu mềm		2. Sản xuất các sản phẩm khác.
4	<i>A.4. Bao bì thủy tinh</i>	A.4.1. Bao bì thủy tinh	15%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Xay, nghiền thành bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.
B. ẮC QUY VÀ PIN				
5	<i>B.1. Ắc quy</i>	B.1.1. Ắc quy chì	12%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> Tháo dỡ, phân loại, thu hồi vật liệu nhựa và sản xuất phôi chì.
		B.1.2. Ắc quy các loại khác	08%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> Tháo dỡ, phân loại, thu hồi vật liệu nhựa và Lithium hoặc kim loại khác.
6	<i>B.2. Pin sạc (nhiều lần)</i>	B.2.1. Pin sạc nhiều lần các loại	08%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> Tháo dỡ, phân loại, thu hồi vật liệu nhựa và Lithium hoặc kim loại khác.

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. DẦU NHỚT				
7	C.1. Dầu nhớt cho động cơ	C.1.1 Dầu nhớt cho động cơ	15%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất dầu gốc. 2. Sản xuất các sản phẩm dầu khác.
D. SẼM, LỚP				
8	D.1. Sẻm, lớp các loại	D.1.1. Sẻm, lớp các loại	05%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Đắp, dán lớp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 2. Sản xuất bột, hạt cao su thương phẩm. 3. Sản xuất các sản phẩm dầu khác.
Đ. ĐIỆN - ĐIỆN TỬ				
9	Đ.1. Thiết bị điện tử dân dụng	Đ.1.1. Tủ lạnh, tủ đông, điều hòa không khí, bếp điện, bếp từ, bếp hồng ngoại, lò nướng, lò vi sóng	05%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: Tháo dỡ, phân loại, thu hồi theo từng loại vật liệu bao gồm kim loại, nhựa và các vật liệu khác.
		- Tủ lạnh, tủ đông		
		- Điều hòa không khí		

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		- Bếp điện, bếp từ, bếp hồng ngoại, lò nướng, lò vi sóng		
		Đ.1.2. Máy giặt, máy sấy quần áo, loa, âm ly	09%	
		- Máy giặt, máy sấy quần áo		
		- Loa, âm ly		
10	Đ.2. Thiết bị màn hình	Đ.2.1. Thiết bị màn hình: ti vi, màn hình máy tính để bàn	07%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Tháo dỡ, phân loại, thu hồi theo từng loại vật liệu bao gồm kim loại, nhựa và các vật liệu khác. 2. Xay, nghiền thành bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.
11	Đ.3. Thiết bị điện tử di động	Đ.3.1. Máy tính bảng, máy tính xách tay, máy ảnh (kể cả đèn flash), máy quay phim	09%	<i>Giải pháp tái chế được lựa chọn:</i> 1. Tháo dỡ, phân loại, thu hồi vật liệu nhựa và sản xuất phôi kim loại. 2. Xay, nghiền thành bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		- Máy tính bảng, máy tính xách tay		
		- Máy ảnh (kể cả đèn flash), máy quay phim		
		Đ.3.2. Điện thoại di động	15%	
12	Đ.4. Thiết bị điện tử văn phòng	Đ.4.1. Máy tính để bàn (không bao gồm màn hình), máy in, máy photocopy.	09%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: Tháo dỡ, phân loại, thu hồi theo từng loại vật liệu bao gồm kim loại, nhựa và các vật liệu khác.
		- Máy tính để bàn (không bao gồm màn hình)		
		- Máy in, máy photocopy		
13	Đ.5. Bóng đèn	Đ.5.1. Bóng đèn compact, bóng đèn huỳnh quang.	08%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: Tháo dỡ, phân loại, thu hồi phế liệu kim loại và xay nghiền bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.
		- Bóng đèn compact		
		- Bóng đèn huỳnh quang		

TT	Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 03 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Đ.6. Tấm quang năng	Đ.6.1. Tấm quang năng	03%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: Tháo dỡ, phân loại, thu hồi phế liệu kim loại và xay nghiền bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.
E. PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG				
15	E.1. Phương tiện giao thông đường bộ	E.1.1. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh,	0,5%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: Tháo dỡ, phân loại, thu hồi theo từng loại vật liệu bao gồm kim loại, nhựa và các vật liệu khác.
		E.1.2. Xe gắn máy, xe máy điện	0,7%	
		E.1.3. Xe ô tô chở người, xe ô tô chở hàng các loại	0,5%	

16. Thay thế Phụ lục XXIII như sau:

Phụ lục XXIII
DANH MỤC SẢN PHẨM, BAO BÌ VÀ MỨC ĐÓNG GÓP
HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI

TT	Loại sản phẩm, bao bì	Định dạng	Dung tích/ kích thước	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bao bì của thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm	Chai, hộp nhựa	Nhỏ hơn 500 ml	50 đồng/cái
			Từ 500 ml trở lên	100 đồng/cái
		Bao, gói, túi nhựa	Nhỏ hơn 100 g	20 đồng/cái
			Từ 100 g đến dưới 500 g	50 đồng/cái
			Từ 500 g trở lên	100 đồng/cái
		Chai, bình thủy tinh	Nhỏ hơn 500 ml	150 đồng/cái
			Từ 500 ml trở lên	250 đồng/cái
		Chai, lọ, bình, hộp kim loại	Nhỏ hơn 500 ml	150 đồng/cái
			Từ 500 ml trở lên	250 đồng/cái
2	Pin dùng một lần các loại	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu thuần của sản phẩm
3	Tã lót, bỉm, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu thuần của sản phẩm
4	Kẹo cao su	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu thuần của sản phẩm
5	Thuốc lá điếu	Tất cả	Tất cả	60 đồng/20 điếu

TT	Loại sản phẩm, bao bì	Định dạng	Dung tích/ kích thước	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Sản phẩm có thành phần nhựa tổng hợp (synthetic resins) bao gồm:			
6.1	Sản phẩm nhựa sử dụng một lần: Khay, hộp chứa đựng thực phẩm, bát, đĩa, ly, cốc, dao, thìa, đĩa, ống hút, dụng cụ ăn uống khác; màng bọc thực phẩm.	Tất cả	Tất cả	1.500 đồng/ 01 kg nhựa được sử dụng
6.2	Bóng bay, băng keo dán, tấm bông tai, tấm chỉ kẽ răng, bàn chải đánh răng, lược, dao cạo râu dùng một lần	Tất cả	Tất cả	
6.3	Quần, áo, mũ, tất, găng tay các loại	Tất cả	Tất cả	
6.4	Túi xách, cặp sách, ví, dây lưng, giày, dép các loại	Tất cả	Tất cả	
6.5	Đồ chơi trẻ em các loại	Tất cả	Tất cả	
6.6	Đồ nội thất: bàn, ghế, tủ, kệ, giường, đệm, thảm (trừ đồ nội thất nhựa đơn vật liệu)	Tất cả	Tất cả	
6.7	Vật liệu xây dựng: sơn tường các loại; vật liệu ốp, dán tường; vật liệu cách nhiệt, cách âm; vật liệu ốp, dán, lát sàn, trần; ống các loại; cửa và khung cửa các loại	Tất cả	Tất cả	

TT	Loại sản phẩm, bao bì	Định dạng	Dung tích/ kích thước	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6.8	Túi ni lông khó phân hủy sinh học (trừ túi ni lông đựng chất thải sinh hoạt do chính quyền địa phương quy định)	Tất cả	Kích thước nhỏ hơn 50 cm x 50 cm và độ dày một lớp màng nhỏ hơn 50 µm	

17. Sửa đổi tại Phụ lục XXVIII như sau:

Sửa đổi tên loại hình dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tại cột (2) số thứ tự 1 như sau: “Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu kinh tế (nếu có)”.

18. Sửa đổi tên, thay thế từ tại Phụ lục XXIX như sau:

a) Sửa đổi tên dự án, cơ sở tại cột (2) số thứ tự 4 như sau:

“Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất”.

b) Thay thế từ “Sylen” bằng từ “Xylen” tại cột (4) số thứ tự 4.

19. Bổ sung Phụ lục XXXIa và XXXIb vào trước Phụ lục XXXI như sau:

a) Bổ sung Phụ lục XXXIa như sau:

Phụ lục XXXIa
BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN, NỘI DUNG MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU
ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ
HOẠT ĐỘNG TÁI CHẾ, XỬ LÝ CHẤT THẢI

- 1. Tên tổ chức, cá nhân:
- 2. Tên dự án đầu tư/cơ sở:
- 3. Địa điểm hoạt động:
- 4. Tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, bao gồm:
 - a) Giấy phép môi trường (GPMT) hoặc GPMT thành phần (Bản sao).
 - b) Hợp đồng hoặc tài liệu minh chứng điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Bản sao).
 - c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp dự án/cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư), giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (Bản sao).
 - d) Khối lượng sản phẩm miễn thuế xuất khẩu được tính theo khối lượng sản phẩm sau tái chế, xử lý chất thải có trong sản phẩm đề nghị miễn thuế (không bao gồm: phụ gia; phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài để sản xuất; nguyên liệu có nguồn gốc từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân khác), cụ thể:

TT	Khối lượng chất thải đầu vào (kg)	Khối lượng sản phẩm sau tái chế, xử lý có trong sản phẩm xuất khẩu đề nghị miễn thuế (kg)	Khối lượng phụ gia, nguyên liệu khác có trong sản phẩm miễn thuế đề nghị miễn thuế (kg)	Khối lượng sản phẩm xuất khẩu (kg) ^(*)
1				
...				
		TỔNG CỘNG		

Trường hợp có từ 02 sản phẩm trở lên được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải thì kê khai thông tin riêng theo từng sản phẩm.

Tổ chức, cá nhân cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác khi kê khai, cung cấp thông tin và các hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

b) Bổ sung Phụ lục XXXIb như sau:

Phụ lục XXXIb

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN, NỘI DUNG MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU
ĐỐI VỚI MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ, VẬT TƯ
CHUYÊN DÙNG ĐỂ SỬ DỤNG TRONG CÔNG TRÌNH
XỬ LÝ CHẤT THẢI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Tên dự án đầu tư/cơ sở:
3. Địa điểm hoạt động:
4. Tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP bao gồm:
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với trường hợp dự án/cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư), giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (Bản sao).
 - b) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (trong đó, có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật (Bản sao).
 - c) Giấy phép môi trường (GPMT) hoặc GPMT thành phần hoặc Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp dự án, cơ sở chưa có Giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (Bản sao).
 - d) Hợp đồng hoặc chứng từ mua bán hàng hóa (trong đó có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường) phục vụ triển khai dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung và dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (Bản sao).
 - đ) Thông tin, số liệu về máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng đề nghị miễn thuế nhập khẩu không thuộc Danh mục máy móc, thiết bị, phụ

tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

e) Danh sách hàng hóa, sản phẩm đề nghị miễn thuế sử dụng tại dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung và dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, cụ thể:

TT	Tên hàng hóa	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Mục đích sử dụng
1						
2						
...						

Tổ chức, cá nhân cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác khi kê khai, cung cấp thông tin và các hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)